TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/DS-ST
Ngày:12-01-2022.
V/v *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

2. Ông Lại Hữu Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 775/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2021/QĐXXST-DS ngày 17/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2021/QĐST-DS,ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Văn M, sinh năm 1980;
Cư trú tại xã ĐT, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo Ủy quyền ông Bùi Ngọc Thiền Q, sinh năm 1995; cư trú tại 16 Vũ Ngọc Phan, Phường MB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyên Hoàng Minh T, sinh năm 1995; cư trú tại tổ 4, phường TT, xã TH, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; (Ông Quang, Ông Tuấn có mặt) ;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành T; sinh năm 1980.

Cư trú tại B3/20A, ấp H, xã VLB, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Dương Văn M do ông Bùi Ngọc Thiền Q và ông Nguyễn Hoàng Minh T trong quá trình giải quyết vụ án cùng trình bày như sau:* Ngày 10 tháng 07 năm 2018 ông Dương Văn M có ký hợp đồng dịch vụ về việc thuê ông Nguyễn Thành T xây dựng một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại Đường Bờ kênh Cầu Suối, thuộc ấp H, xã VLB, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, loại nhà cấp 4, diện tích xây dựng ngang 5 m chiều dài là 8 m, tổng diện tích sàn xây dựng là 40 m^2 (Bốn

mươi mét vuông), kết cấu vách xây tường gạch cao 3 mét, mái lợp tôn với hình thức bên nhận thầu ông Nguyễn Thành T bao toàn bộ vật tư và các thiết bị vệ sinh, hình thức chìa khóa trao tay với giá là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, Ngay sau khi ký hợp đồng bên thuê ông M đã giao trước cho bên nhận xây ông T số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, tuy nhiên sau khi nhận tiền thì ông T lẫn tránh không tiến hành xây dựng nhà cho ông M như đã thỏa thuận và cũng không trả lại số tiền đã nhận, Mặc dù ông M đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T cố tình trốn tránh không trả cho đến nay. Nay, ông Dương Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng xây dựng giữa hai bên và yêu cầu Tòa án xét xử Buộc ông Nguyễn Thành T phải trả tiền số tiền đã nhận là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn* **:** Ông Nguyễn Thành T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập bị đơn, đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án theo quy định vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc tiến hành các thủ tục niêm yết để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

- *Tại phiên tòa hôm nay*: Nguyên đơn ông Dương Văn M do ông Bùi Ngọc Thiền Q và Ông Nguyễn Hoàng Minh T vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng xây dựng giữa hai bên và Buộc ông Nguyễn Thành T phải trả tiền số tiền đã nhận là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.
- Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt không lý do.

* *Xét thấy tại phiên tòa, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến sau*: 1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS.Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 BLTTDS năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện KSND huyện B, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng quy định. 2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:Hội đồng xét xử đã tuân theo theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. 3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn: Từ khi Tòa án thụ lý vụ việc đến thời điểm này đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền và nghĩa vụ của đương sự.Bị đơn: Vi phạm nghĩa vụ của đương sự.

Về giải quyết vụ án:Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng xây dựng giữa hai bên và yêu cầu Buộc ông Nguyễn Thành T phải trả tiền số tiền đã nhận là 100.000.000 đồng. Căn cứ hợp đồng giữa hai bên được lập thành văn bản trên giấy A4 theo dạng mẫu in sẵn sử dụng chung, có nội dung cơ bản được ghi tay bằng chữ viết và chữ ký đủ cơ sở xác định giữa 02 bên có kí hợp đồng thỏa thuận xây dựng, bị đơn đã nhận của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa

vụ trong hợp đồng. Căn cứ Điều 514 Bộ luật dân sự năm 2015:"Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ".Điều 517 quy định nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ:"Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác".Tại điều 423 quy định về hủy bỏ hợp đồng "1. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây: b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng; 2.Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng". Điều 427 quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng:"1. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. 2.Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản". Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng xây dựng giữa hai bên và buộc bị đơn phải trả tiền số tiền đã nhận là 100.000.000 đồng cho nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015;Áp dụng điều 423, 427, 514 Bộ luật dân sự 2015;Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . *Về thẩm quyền giải quyết:*

Theo nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Văn M do ông Bùi Ngọc Thiền Q, Ông Nguyễn Hoàng Minh Tcó cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là"Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ".Bị đơn ông Nguyễn Thành T hiện đang cư trú tại địa chỉ B3/20A, ấp H, xã VLB, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

- Xét thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào Hợp đồng thuê xây dựng ngày 10 tháng 07 năm 2018 giữa bên thuê là ông Dương Văn M với bên nhận xây là ông Nguyễn Thành T, sau khi ký hợp đồng ông M đã giao cho ông T số tiền là 100.000.000 đồng(Một trăm triệu đồng), tuy nhiên sau đó bên nhận thi công là ông T không thực hiện việc xây nhà và cũng không trả lại tiền đã nhận cho ông M, do đó ông M khởi kiện ngày 17 tháng 05 năm 2019, căn cứ theo các Điều 149, 150, 151 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý là đúng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng tại phiên tòa không lý do, vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc tiến hành nêm yết theo thủ tục xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 180, 181, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. *Xét về nội dung tranh chấp:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn M do ông Bùi Ngọc Thiền Q và ông Nguyễn Hoàng Minh T là yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng xây dựng giữa hai bên và buộc ông Nguyễn Thành T phải trả tiền số tiền đã nhận là 100.000.000 đồng(Một trăm triệu đồng), ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Là có cơ sở chấp nhận. *Bỡi lẽ.*

- Xét nội dung tranh chấp qua phần trình bày của nguyên đơn ông Dương Văn M do ông Bùi Ngọc Thiền Q, ông Nguyễn Hoàng Minh T, căn cứ vào các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án như sau: Hợp đồng xây dựng tay lập ngày 10 tháng 07 năm 2018 giữa bên thuê xây nhà là ông Dương Văn M với bên nhận thầu xây nhà là ông Nguyễn Thành T; Xét về hình thức giao dịch hai bên có lập Hợp đồng xây dựng do hai bên tự viết tay và có đầy đủ các chữ ký xác nhận của các bên, nội dung cũng thể hiện rõ các nội dung cụ thể là ông Nguyễn Thành T nhận tiến hành xây dựng một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại Đường Bờ kênh Cầu Suối, thuộc ấp H, xã VLB, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, cho ông Dương Văn M hình thức chìa khóa trao tay với giá là chọn gói là 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng, tổng diện tích sàn xây dựng là 40 m^2. Ngay sau khi ký hợp đồng thì chủ nhà ông M đã giao trước cho bện nhận xây ông T số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Xét Hợp đồng thể hiện là; Văn bản được viết trên giấy A4 theo dạng mẫu in sẵn sử dụng chung, có nội dung cơ bản được ghi tay bằng chữ viết và chữ ký rõ ràng, Điều 1: thể hiện về họ tên, số chứng minh nhân dân, địa chỉ của bên bên thuê xây nhà là chủ đất ông M và bên nhận thầu xây nhà ông T, đối tượng là 1 căn nhà cấp 4, Giá xây dựng cụ thể rõ ràng; Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015, tại Điều 514 quy định "Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ". Điều 517 quy định nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ "Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác..". Điều 519 quy định trả tiền "Trường hợp dịch vụ được cung ứng không đạt như đã thỏa thuận hoặc công việc không được hình thành đúng thời hạn thì bên sử dụng dịch vụ có quyền yêu cầu giảm tiền hoặc bồi thường thiệt hạn..."; các thỏa thuận này cũng phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118,119 và Điều 514, 517, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015, Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn M về việc yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng xây dựng giữa hai bên và yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải trả tiền số tiền đã nhận là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, Là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn ông T vẫn không đến để trình bày ý kiến, mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông T không thiện chí hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật là phù hợp.

- Xét, tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Bùi Ngọc Thiền Q và ông Nguyễn Hoàng Minh T xác định giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn ông T phải trả ngay số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cở sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét số nợ đã lâu nhưng phía bị đơn chưa có thiện chí trả nợ nên phần nào gây khó khăn cho nguyên đơn vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền này một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] .*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Bị đơn ông Nguyễn Thành T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả là:100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 (năm triệu) đồng. Nguyên đơn ông Dương Văn M không phải nộp án phí và được nhận lại số tiên là: 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0079038, ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

-Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Dương Văn M là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 6, 70, 72, 91,147, 170, 171, 172, 173, 174, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 149, 150, 151, 514, 517, 519, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn M.

1.Tuyên hủy Hủy hợp đồng dân sự về xây dựng nhà ngày 10 tháng 07 năm 2018 giữa ông Dương Văn M với ông Nguyễn Thành T.

2. Buộc ông Nguyễn Thành T phải trả lại cho ông Dương Văn M là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

3. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của

các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thành T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Nguyên đơn ông Dương Văn M không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền là 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0079038, ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

5 .Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9.Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án,hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.B;
- CCTHADS H.B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

Lại Phước Trường